TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 77/2024/HS-ST Ngày 24/5/2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đồng Thị Hương

- *Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Phạm Quốc Thân

+ Ông Hoàng Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Danh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện VKSND thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn K - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 05/TB-TA ngày 13/5/2024, đối với bị cáo:

Bùi Quang T, sinh ngày 19 tháng 9 năm 1994 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Tổ C, khu phố E, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Bùi Quang S, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; Bị cáo là con út trong gia đình có 3 anh em. Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Bùi Quang T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2021, đến ngày 06/9/2023 bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Trần Văn T1, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* Anh Bùi Quang D, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ C, khu phố E, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T1, sinh năm 1995, ngụ tại tổ A, ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai và Bùi Quang T có mối quan hệ quen biết với nhau thông qua bạn bè giới thiệu từ tháng 6 năm 2020. Đến tháng 10 năm 2020, T1 có nhu cầu thi giấy phép lái xe ô tô hạng B2 nên hỏi T có chỗ nào thi giấy phép lái xe mà bao đậu lý thuyết hay không. Nghe T1 hỏi như vậy, vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên T đã nói dối với T1 rằng mình là Công an và có quen biết với Cảnh sát giao thông nên T có thể giúp T1 làm giấy phép lái xe hợp pháp mà không cần phải thi lý thuyết, thi thực hành, chỉ cần đóng tiền và nộp hồ sơ, sau vài tháng sẽ có giấy phép lái xe. Sau đó, Trung liên hệ với một người đàn ông tên L1 (không rõ nhân thân, lai lịch) ở thành phố B, tỉnh Đồng Nai để nhờ L1 làm giấy phép lái xe hạng B2 giả cho T1, T nói làm với giá 13.000.000 đồng, thì T1 đồng ý. Sau khi nhận tiền xong, T đưa cho L1 12.500.000 đồng, còn 500.000 đồng là tiền công của T. Khi nhận hồ sơ thi sát hạch giấy phép lái xe, T đưa cho T1 ký vào các tài liệu trong hồ sơ và cung cấp thông tin cá nhân, hình thẻ để làm hồ sơ thi sát hạch giấy phép lái xe và chuyển lại hồ sơ cho L1 thông qua tài xế xe G. Đến cuối tháng 11 năm 2020, L1 chuyển cho T 01 giấy phép lái xe hạng B2 số: 700197102642, mang tên Trần Văn T1 và 01 bộ hồ sơ gồm: 01 biên bản tổng hợp kết quả thi sát hạch lái xe, 01 bài sát hạch lý thuyết, 01 biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình, 01 đơn đề nghị học, sát hạch, 01 chứng chỉ sơ cấp hoàn thành chương trình đào tạo lái xe ô tô hạng B2 (K19C010). Khi T giao những tài liệu trên cho T1, T1 đã kiểm tra mã QR phía sau giấy phép lái xe thì thấy hiện ra đầy đủ thông tin cá nhân của bản thân nên tin tưởng đây là giấy phép lái xe thật và sử dụng để lưu thông. Đến tháng 3 năm 2021, T1 kiểm tra giấy phép lái xe mà T đã giao cho mình trên trang thông tin giấy phép lái xe tại địa chỉ *www.gplx.gov.vn* thì biết được giấy phép lái xe này là giả, không có thông tin tra cứu, T1 đã liên lạc với T để lấy lại tiền nhưng không được nên đã tố cáo T về hành vi chiếm đoạt tài sản.

Tại kết luận giám định số 1434/KLGĐ-PC09 ngày 29/7/2021 Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận:

1. Bản in chữ ký mang tên Dương Văn Đ trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với bản in chữ ký mang tên Dương Văn Đ trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một bản in in ra.

2. Bản in hình dấu tròn Sở Giao Thông Vận Tải tỉnh Đ trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với bản in hình dấu tròn Sở Giao Thông V tỉnh Đồng Nai trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một bản in in ra.

Quá trình điều tra bị cáo T đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đã tác động gia đình khắc phục hậu quả.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- 01 giấy phép lái xe hạng B2 số: 700197102642, mang tên Trần Văn T1, cấp ngày 22/11/2020;

- 01 bộ hồ sơ thi sát hạch giấy phép lái xe gồm: Biên bản tổng hợp kết quả thi sát hạch lái xe; Bài sát hạch lý thuyết; Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình; Đơn đề nghị học, sát hạch; Chứng chỉ sơ cấp hoàn thành chương trình đào tạo lái xe ô tô hạng B2 (K19C010).

Hiện toàn bộ vật chứng trên được lưu kèm hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Sau khi anh T1 làm đơn tố cáo T về hành vi chiếm đoạt tài sản, T đã nhờ anh ruột là Bùi Quang D, sinh năm 1984, ngụ tại tổ C, khu phố E, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai trả lại số tiền 13.000.000 đồng cho anh T1.

Tại bản cáo trạng số 92/CT-VKSLK ngày 24/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, truy tố bị cáo Bùi Quang Trung về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 và khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo Bùi Quang T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng số 92/CT-VKSLK ngày 24/5/2023 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Quang T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Bùi Quang T mức án từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

Đối với tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T mức án từ 06 tháng đến 12 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Bùi Quang T phải chịu hình phạt chung từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo T nói lời sau cùng: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã rất hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu

nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử kết luận:

Vào tháng 10 năm 2020, bị cáo Bùi Quang T biết anh Trần Văn T1 có nhu cầu thi giấy phép lái xe B2 mà bao đậu. Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo Bùi Quang T đã đưa ra thông tin gian dối, tự nhận mình là Công an, có mối quan hệ quen biết với Cảnh sát giao thông nên có thể giúp anh T1 có được giấy phép lái xe hợp lệ mà không cần thi với giá 13.000.000 đồng, từ đó chiếm đoạt của anh Trần Văn T1 số tiền 13.000.000đồng. Sau khi lấy tiền từ anh T1, bị cáo T đã liên hệ với một đối tượng tên L1 (không rõ nhân thân, lai lịch) làm 01 giấy phép lái xe giả hạng B2 số: 700197102642, mang tên Trần Văn T1 rồi giao cho anh T1 sử dụng. Đến tháng 03/2021, anh T1 phát hiện giấy phép lái xe trên là giả nên đã tố cáo hành vi của Bùi Quang T đến cơ quan Công an. Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Bùi Quang T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 và tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Đối với hành vi của Trần Văn T1: T1 là người đưa ra đề nghị trước với bị cáo T, bỏ tiền để bị cáo T lo cho T1 có giấy phép lái xe hạng B2 mà không cần thi lý thuyết, thực hành. T1 sử dụng giấy phép lái xe trên cho đến khi phát hiện là giả thì T1 chấm dứt, không sử dụng giấy phép lái xe này để tham gia giao thông nữa, đồng thời tố cáo T đến cơ quan Công an. Do đó, không có cơ sở xử lý Trần Văn T1 về hành vi "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Đối với người đàn ông tên L1, do chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên chưa có căn cứ để xử lý.

[3] Đánh gía tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; đồng thời, xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu và các giấy tờ khác; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thuê người làm giả giấy phép lái xe để chiếm đoạt tài sản của người khác, do vậy cần có mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của bị cáo đã thực hiện, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh T1. Ngoài ra, cũng cần xem xét cho bị cáo khi có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Trung đoàn B, Sư đoàn C để áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt chính: bị cáo bị xét xử 01 lần về 02 tội, vì vậy cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người biết tuân thủ pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã bồi thường thiệt hại, nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 giấy phép lái xe hạng B2 số: 700197102642, mang tên Trần Văn T1, cấp ngày 22/11/2020; 01 bộ hồ sơ thi sát hạch giấy phép lái xe gồm: biên bản tổng hợp kết quả thi sát hạch lái xe, bài sát hạch lý thuyết, biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình, đơn đề nghị học, sát hạch, chứng chỉ sơ cấp hoàn thành chương trình đào tạo lái xe ô tô hạng B2 (K19C010). Hội đồng xét xử xác định, đây là tài liệu giả liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt là có căn cứ và phù hợp một phần nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 341; các điểm i, s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Quang T phạm các tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt bị cáo Bùi Quang T 04 (bốn) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và 06 (sáu) tháng tù về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/9/2023.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Quang T phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPLK;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLK;
- Bị cáo; Nhà tạm giữ CATPLK;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đồng Thị Hương